

Số: 149/2019/QĐST-HNGĐ

Quỳ Hợp, ngày 08 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 138/2019/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa: Chị Trương Thị Đ. Sinh năm 1995.

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Q, tỉnh nghệ An.

Anh Trương Văn L. Sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm Đ, xã Nghĩa X, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tổ tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Đ và anh Trương Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về con chung: Anh Trương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Thị Yến N, sinh ngày 20/2/2012. Kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi). Chị Trương Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 8/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị Trương Thị Đ và anh Trương Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Về án phí: Chị Trương Thị Đ và anh Trương Văn L thỏa thuận chị Trương Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Chị Trương Thị Đ chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Trương Thị Đ đã nộp theo biên lai số 0002637 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND huyện Q,
- Chi cục THADS huyện Q,
- UBND xã Đ.
- TAND tỉnh Nghệ An,
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Văn Đạt

